

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2023
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Lương Vân**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yên;
Ông Nguyễn Đức Lưu

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hoài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Hiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 761/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 761/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa:.

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1987

HKTT: Thôn P, xã B, huyện Đ, thành phố H.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, H.(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông **Lê Minh Đ** sinh năm 1972

HKTT: Thôn P, xã B, huyện Đ, thành phố H.

Địa chỉ: thôn H, xã S, huyện C, tỉnh B - V. .(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Minh Đ kết hôn ngày 25/12/2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, thành phố H, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại nhà đất của gia đình anh Đ tại thôn P, xã B, huyện Đ, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ nghiện ma túy, không đi làm, không có trách nhiệm với gia đình, khi tôi đi chợ kiếm ra tiền thì anh Đ lại càng sa đà tệ nạn nhiều hơn. Năm 2013 anh Đ bị đưa đi cai nghiện bắt buộc 24 tháng, thời gian anh Đ đi cai nghiện bắt buộc, tôi ở nhà nuôi 2 con và chăm sóc mẹ đẻ anh Đ, đồng thời hàng tháng chu cấp và thăm nuôi anh Đ tại cơ sở cai nghiện. Năm 2014 mẹ đẻ anh Đ mất, bản thân tôi làm thủ tục bảo lãnh để anh Đ về chịu tang mẹ, năm 2015 anh Đ hoàn thành thời gian cai nghiện xong thì về nhà ở được vài hôm, sau đó nhân lúc tôi đi làm vắng nhà anh Đ đã tự ý đưa hai con vào V sinh sống cùng anh Đ mà không thông báo cho tôi biết. Sau khi biết tin tôi đã nhiều lần vào V Thăm và có ý định đón con về H sinh sống nhưng anh Đ không đồng ý vì vậy mà tôi lại trở về một mình. Từ đó đến nay tôi và anh Đ đã ly thân hoàn toàn, hiện hai cháu cũng sinh sống ổn định, sức khỏe tốt và đi học bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn không cải thiện được nên đề nghị tòa án giải quyết ly hôn. Tôi đã được tòa án thông qua bản tự khai của anh Đ, anh Đ cũng nhất trí giải quyết ly hôn và con chung vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Lê Chấn H - sinh ngày 04/6/2009 và cháu Lê Thu H - sinh ngày 08/02/2011, hai cháu đã vào V sinh sống cùng bố từ 2015 đến nay, sức khỏe của các cháu hiện tốt. Cuộc sống ổn định vì vậy ly hôn tôi nhất trí để anh Đ nuôi dưỡng cả 02 con chung, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01/2023 nên không yêu cầu tòa án giải quyết; Hiện nay tôi làm quản lý vận tải tại Q; trụ sở: phường X, quận B, thành phố H; Lương tháng ổn định 8.000.000đồng

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung công sức đóng góp nên tôi cam đoan không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đã được Tòa án giải thích pháp luật về quyền và nghĩa vụ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đất đai, nợ chung của vợ chồng, tuy nhiên tôi xác định vợ chồng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên cam đoan không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chỗ ở sau khi ly hôn: Tôi tự lo chỗ ở sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu cả tiền án phí.

* Bị đơn :ông Lê Minh Đức có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án trình bày : Tôi có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị P ngày 25/12/2008 . Cưới xong ở chung với bố mẹ chồng tại Thôn P ,B, Đô, H.Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn.Đến năm 2015 tôi cùng 02 con vào V sinh sống đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không được. Tôi đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án Đ giải quyết. Về con: vợ chồng tôi có 02 con: Lê Chấn H sinh ngày 04/06/2009; Lê thu H sinh ngày 08/12/2011. Tôi là người nuôi 02 cháu từ năm 2015 đến nay . Nguyện vọng của 02 cháu là ở với tôi . Mẹ cháu không có trách nhiệm gì với các cháu . Sau này tôi cũng không cần phải cấp dưỡng . Về tài sản chung : không có.

* Bà Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2022 như sau:

Về quan hệ: Tôi là mẹ đẻ của chị P. Ngày 25/12/2008 chị P đăng ký kết hôn với anh Đ tại UBND xã B, huyện Đ, thành phố H, vợ chồng anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại nhà đất của gia đình anh Đức tại thôn P, xã B, huyện Đ, thành phố H. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đến 05/9/2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống tôi có nghe nói anh Đ nghiện ma túy và phải vào cơ sở cai nghiện ma túy số 3 Thành phố H và cai nghiện 2 năm, sau khi ra trại anh Đ vào Thành phố V sinh sống luôn và không về chung sống cùng chị P nữa. Anh Đ cũng tự ý đưa các con chung vào sống cùng tuy nhiên không nói cho chị P biết, khi bị P vào đón con thì ông Đ không đồng ý và còn đánh chị P. Từ đó đến nay hai anh chị ly thân và chị P cũng không được gặp con nữa. Nay chị P làm đơn ly hôn, anh chị đã trưởng thành, việc mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nhưng không cải thiện được vì vậy tôi cũng nhất trí đề nghị tòa án giải quyết ly hôn cho hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Lê Chấn H - sinh ngày 04/06/2009 và Lê Thu H - sinh ngày 08/2/2011, từ lúc vợ chồng ly thân hai cháu ở với anh Đ, ly hôn chị P nhất trí để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cả hai chung.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Thời gian vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau rất ngắn nên tôi không nắm được vợ chồng có tài sản chung, nợ chung công sức đóng góp.Ngoài ra bà Hồng không có ý kiến gì thêm.

Ủy ban nhân dân xã B xác nhận Bà P, ông Đ đăng ký kết hôn ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B quá trình chung sống vợ chồng ông Đ, bà P sống tại nhà đất gia đình ông Đ tại P.Năm 2014 ông Đ đi cai nghiện bắt buộc . Sau khi cai nghiện xong ông Đ đi ở nơi khác.Nay Bà P, ông Đ đều đồng ý ly hôn đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung và tài sản của Bà P, ông Đ đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà Phương đồng ý để ông Đức nuôi 02 con chung là Lê Chấn H - sinh ngày 04/06/2009 và Lê Thu H - sinh ngày 08/2/2011 Về đóng góp nuôi con ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: ông Đ , Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Minh Đ

+ Về con chung: Giao cho ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi 02 con chung là Lê Chấn H - sinh ngày 04/06/2009 và Lê Thu H - sinh ngày 08/2/2011. Về đóng góp nuôi con ông ,bà không yêu cầu tòa giải quyết.Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: ông Đ , Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

+ Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng** : Bà Phương yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật dân sự. Ông Đ có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: ông Lê Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Đ có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/11/2022.. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ

[2] **Về nội dung vụ án**: Về quan hệ hôn nhân: Bà P, ông Đ kết hôn ngày 25/12/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, thành phố H. Như vậy, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh tại UBND xã B ngày 28/11/2022 cho thấy vợ chồng Bà P, ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn của Bà P, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được. Bà P, ông Đ đều yêu cầu ly hôn với nhau nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà P, ông Đ có 02 con chung là Lê Chấn H - sinh ngày 04/06/2009 và Lê Thu H - sinh ngày 08/2/2011. Ly hôn ghi nhận thỏa thuận của Bà P và ông Đ là ông Đ nuôi cả 02 con chung. Về đóng góp nuôi con ông, bà không yêu cầu tòa giải quyết cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Bà Ph có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa giải quyết, ông Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0047244 ngày 16/11/2022.

[6] **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Lê Minh Đ. Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Minh Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P với ông Lê Minh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung là : là Lê Chấn H - sinh ngày 04/06/2009 và Lê Thu H - sinh ngày 08/2/2011.

Ly hôn giao 02 con chung là là Lê Chấn H - sinh ngày 04/06/2009 và Lê Thu H - sinh ngày 08/2/2011 cho ông Lê Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Về đóng góp nuôi con ông, bà không yêu cầu tòa giải quyết cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác được Tòa án quyết định.

Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Bà P, ông Đ không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết .

Về án phí: bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0047244 ngày 16/11/2022. Bà P đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Minh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND thành phố H
- VKSND thành phố H
- VKSND quận huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Lương Vân

1